



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**(TEST REPORT)**

Số/ No: 10062608/KQ  
 Tên khách hàng/ Customer: **TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
 Địa chỉ/ Address: Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh  
 Loại mẫu/ Type of sample: Nước sạch  
 Tên mẫu/ Name of sample: Trạm cấp nước Thạnh Hội, ấp Nhựt Thạnh, phường Tân Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh  
 Mã số mẫu/ Code of sample: Toạ độ: 10.982537; 106.7834190  
 Mô tả mẫu/ Sample description: **100626-092**  
 Số lượng/ Quantity: Mẫu nước trong, không cặn, đựng trong 1 chai nhựa 2,0L và 1 chai thủy tinh 0,5L  
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling: 01 mẫu  
 Ngày trả kết quả/ Date of result: 10/06/2026 : 17/06/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1:2024/BYT
				100626-092	
1.	(a) Coliform tổng số	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2.	(a) E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3.	(a) Màu sắc	TCU	TCVN 6185:2015	KPH (LOD = 3)	15
4.	(a) Mùi	--	HDPT-N.03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	(a) pH	--	TCVN 6492: 2011	7,90	6,0 – 8,5
6.	(a) Độ đục	NTU	SMEWW 2130:2023	0,37	2
7.	(a) Asen (Arsenic) (As)	mg/L	SMEWW 3125B: 2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
8.	(a) Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G: 2023	0,82	0,2 – 1,0
9.	(a) Permanganat	mg/L	TCVN 6186 :1996	KPH (LOD = 0,5)	2
10.	(a) Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1 :1996	KPH (LOD = 0,03)	1

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích đạt yêu cầu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT. /The water sample had parameters which met the requirements of the National Technical Regulation QCVN 01-1: 2024/BYT

**Ghi chú/Notes:**

- (\*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. /Results expressed as "<1 CFU" are considered as "no target microorganisms detected" on the test sample volume.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only.
- Mẫu được lưu 10 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 10 days from the date of results of return.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/Limit of quantitation;
- (-): Không quy định/ No specified; (-): Không thực hiện/Not implemented;
- QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**(TEST REPORT)**

Số/ No: 10062608/KQ

- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology.
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599).

**Trưởng phòng dịch vụ phân tích**  
**(Head of analytical services)**



**Nguyễn Đoàn Bình**

**KT. Tổng Giám đốc/ PP. Director**  
**Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director**





PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
(TEST REPORT)

Số/ No: 10062608/KQ  
Tên khách hàng/ Customer: TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG  
Địa chỉ/ Address: NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh  
Loại mẫu/ Type of sample: Nước sạch  
Nước sạch sau xử lý  
Tên mẫu/ Name of sample: Hộ Nguyễn Văn Chung, khu phố Tân Hội, phường Tân Khánh,  
Thành phố Hồ Chí Minh (Trạm cấp nước Thạnh Hội)  
Mã số mẫu/ Code of sample: Toạ độ: 10.989712, 106.777773  
Mã số mẫu/ Code of sample: 100626-093  
Mô tả mẫu/ Sample description: Mẫu nước trong, không cặn, đựng trong 1 chai nhựa 2,0L và 1 chai  
Số lượng/ Quantity: thủy tinh 0,5L  
Số lượng/ Quantity: 01 mẫu  
Ngày lấy mẫu/ Date of sampling: 10/06/2026 Ngày trả kết quả/ Date of result: 17/06/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1 :2024/BYT
				100626-093	
1.	(a) Coliform tổng số	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2.	(a) E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3.	(a) Màu sắc	TCU	TCVN 6185:2015	KPH (LOD = 3)	15
4.	(a) Mùi	--	HDPT-N.03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	(a) pH	--	TCVN 6492: 2011	7,90	6,0 – 8,5
6.	(a) Độ đục	NTU	SMEWW 2130:2023	0,29	2
7.	(a) Asen (Arsenic) (As)	mg/L	SMEWW 3125B: 2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
8.	(a) Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G: 2023	0,64	0,2 – 1,0
9.	(a) Permanganat	mg/L	TCVN 6186 :1996	KPH (LOD = 0,5)	2
10.	(a) Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1 :1996	KPH (LOD = 0,03)	1

**Nhận xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích đạt yêu cầu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT. /The water sample had parameters which met the requirements of the National Technical Regulation QCVN 01-1: 2024/BYT

**Ghi chú/Notes:**

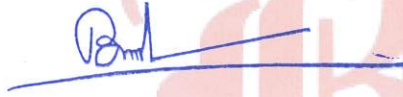
- (\*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. /Results expressed as "<1 CFU" are considered as "no target microorganisms detected" on the test sample volume.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only.
- Mẫu được lưu 10 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 10 days from the date of results of return.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantitation;
- (-): Không quy định/ No specified; (-): Không thực hiện/ Not implemented;

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**(TEST REPORT)**

Số/ No: 10062608/KQ

- QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology.
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599).

**Trưởng phòng dịch vụ phân tích**  
**(Head of analytical services)**



**Nguyễn Đoàn Bình**

**KT. Tổng Giám đốc/ PP. Director**  
**Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director**



**Phan Duy Hưng**



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**(TEST REPORT)**

Số/No: 10062608/KQ

Tên khách hàng/ Customer : **TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ/ Address : **Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh**

Loại mẫu/ Type of sample : **Nước sạch**  
**Nước sạch sau xử lý**

Tên mẫu/ Name of sample : **Hộ Nguyễn Thị Hoa, khu phố Thanh Hiệp, phường Tân Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Trạm cấp nước Thạnh Hội)**  
**Tọa độ: 10.974420, 106,781578**

Mã số mẫu/ Code of sample : **100626-094**

Mô tả mẫu/ Sample description : **Mẫu nước trong, không cặn, đựng trong 1 chai nhựa 2,0L và 1 chai thủy tinh 0,5L**

Số lượng/ Quantity : **01 mẫu**

Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : **10/06/2026** Ngày trả kết quả/ Date of result : **17/06/2026**

TT (No.)	Chi tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1 :2024/BYT
				100626-094	
1.	(a) Coliform tổng số	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2.	(a) E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3.	(a) Màu sắc	TCU	TCVN 6185:2015	KPH (LOD = 3)	15
4.	(a) Mùi	--	HDPT-N.03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	(a) pH	--	TCVN 6492: 2011	7,90	6,0 – 8,5
6.	(a) Độ đục	NTU	SMEWW 2130:2023	KPH (LOD = 0,12)	2
7.	(a) Asen (Arsenic) (As)	mg/L	SMEWW 3125B: 2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
8.	(a) Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G: 2023	0,58	0,2 – 1,0
9.	(a) Permanganat	mg/L	TCVN 6186 :1996	KPH (LOD = 0,5)	2
10.	(a) Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1 :1996	KPH (LOD = 0,03)	1

**Nhân xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích đạt yêu cầu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT. /The water sample had parameters which met the requirements of the National Technical Regulation QCVN 01-1: 2024/BYT

**Ghi chú/Notes:**

- (\*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. /Results expressed as "<1 CFU" are considered as "no target microorganisms detected" on the test sample volume.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only.
- Mẫu được lưu 10 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 10 days from the date of results of return.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantitation;




**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**(TEST REPORT)**

Số/ No: 10062608/KQ

- (-): Không quy định/ No specified; (-): Không thực hiện/Not implemented;
- QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology.
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599)

**Trưởng phòng dịch vụ phân tích**  
**(Head of analytical services)**



**Nguyễn Đoàn Bình**

**KT. Tổng Giám đốc/ PP. Director**  
**Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director**



**Phan Duy Hưng**